

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt điều chỉnh dự án Cầu cứng bản Hậu,
xã Tam Lư, huyện Quan Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5345/TTr-SXD ngày 01 tháng 7 năm 2025 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định tại Văn bản số 5325/TTr-SXD ngày 30 tháng 6 năm 2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án Cầu cứng bản Hậu, xã Tam Lư, huyện Quan Sơn với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023; theo đó, quy mô đầu tư xây dựng mới khoảng 649m đường giao thông, gồm: phần cầu bằng BTCT và BTCT dự ứng lực theo TCVN

11823-2017, tải trọng thiết kế HL93 và người đi bộ $3 \times 10^{-3} \text{Mpa}$, tần suất thiết kế $P=1\%$, $B_c=(0,5+7,0+0,5)\text{m}=8,0\text{m}$, chiều dài cầu (tính đến đuôi mố) $L=144,7$; phần đường kết nối hai đầu cầu đạt tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn cấp A theo TCVN 10380:2014, vận tốc thiết kế $V_{tk}=20\text{km/h}$, $B_n=6,0\text{m}$, $B_m=5,0\text{m}$, tần suất thủy văn $P=4\%$ đối với nền đường, cống, tải trọng trục tính toán 10T với đường và H30-XB80 với cống, chiều dài đường 504,22m; Tổng mức đầu tư là 46.780.000.000 đồng, nguồn vốn ngân sách tỉnh; trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	800.000.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	35.518.431.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	792.305.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.915.040.000 đồng.
- Chi phí khác:	1.038.128.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	5.716.096.000 đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Tổng mức đầu tư được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 với giá trị 46,78 tỷ đồng; trong đó, phần chi phí bồi thường GPMB do UBND huyện Quan Sơn làm chủ đầu tư được duyệt là 800 triệu đồng. Tổng giá trị dự toán bồi thường GPMB được UBND huyện Quan Sơn phê duyệt là 1.116.759.000 đồng, tăng 316.759.000 đồng so với giá trị GPMB trong Tổng mức đầu tư được phê duyệt (800.000.000 đồng). Vì vậy, để đảm bảo bố trí đủ vốn thực hiện công tác GPMB của dự án, việc Chủ đầu tư trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án (điều chỉnh cơ cấu Tổng mức đầu tư dự án) là cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư xây dựng sau điều chỉnh: 46.780.000.000 đồng (Bốn mươi sáu tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	1.116.759.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	37.525.247.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	682.126.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	2.765.711.000 đồng.
- Chi phí khác:	790.686.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	3.899.471.000 đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

4. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 1122/QĐ-UBND ngày 06/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn (Chủ đầu tư), Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung trình thẩm định và phê duyệt.

- Trên cơ sở cơ cấu giá trị các khoản mục chi phí phê duyệt tại Điều 1 nêu trên, giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XI; Chủ tịch UBND xã Tam Lư; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quan Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH
DỰ ÁN: CẦU CỨNG BẮN HẬU, XÃ TAM LƯ, HUYỆN QUAN SƠN
(Kèm theo Văn bản số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: đồng

TT	Hạng mục chi phí	Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch: tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
I	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng	800.000.000	Các Quyết định của UBND huyện Quan Sơn: số 103/QĐ-UBND ngày 16/01/2025, số 115/QĐ-UBND ngày 20/01/2025, số 911/QĐ-UBND ngày 20/5/2025	1.116.759.000	316.759.000
II	Chi phí xây dựng	35.518.431.000	cộng 1-2	37.525.247.000	2.006.816.000
1	Các hạng mục công việc đã phê duyệt	35.518.431.000	Hợp đồng kinh tế số 45/2024/HĐ-XD ngày 05/12/2024 giữa Nhà thầu thi công và Ban QLDA	38.220.159.188	
2	Giảm thuế GTGT từ 10% về 8%		Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ và Nghị quyết 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc Hội	-694.912.000	
III	Chi phí quản lý dự án	792.305.000	2,454% x0,8x 34.745.599.074	682.126.000	-110.179.000
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.915.040.000	cộng 1-19	2.765.711.000	-149.329.000
1	Khảo sát, bước lập Báo cáo NCKT	700.014.000	Quyết định số 135/QĐ-QLDA ngày 28/3/2023 của Ban QLDA	700.014.000	0
2	Lập nhiệm vụ khảo sát, lập BC NCKT	12.951.000	Quyết định số 259/QĐ-QLDA ngày 19/12/2022 của Ban QLDA	12.951.000	0
3	Giám sát khảo sát lập Báo cáo NCKT	19.336.000		19.336.000	0
4	Lập hồ sơ, cắm cọc GPMB	150.000.000	Quyết định số 137/QĐ-QLDA ngày 05/4/2024 của Ban QLDA	628.280.000	-318.402.000
5	Lập thiết kế BVTC	457.502.000			
6	Khảo sát bước thiết kế BVTC	339.180.000			

TT	Hạng mục chi phí	Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
7	Lập nhiệm vụ khảo sát bước BVTC	9.250.000	Quyết định số 25/QĐ-QLDA ngày 26/01/2024 của Ban QLDA	4.214.000	-5.036.000
8	Giám sát khảo sát xây dựng bước BVTC	13.811.000	Quyết định số 139/QĐ-QLDA ngày 05/4/2024 của Ban QLDA	6.178.000	-7.633.000
9	Thẩm tra thiết kế BVTC	47.265.000	Quyết định số 162/QĐ-QLDA ngày 07/5/2024 của Ban QLDA	92.463.000	0
10	Thẩm tra dự toán xây dựng công trình	45.198.000			
11	Lập HSMT và đánh giá HSDT tư vấn khảo sát, lập BCNCKT	5.752.000	Quyết định số 270/QĐ-QLDA ngày 26/12/2022 của Ban QLDA	5.752.000	0
12	Lập HSMT, đánh giá HSDT thi công	72.004.000	Quyết định số 26/QĐ-QLDA ngày 27/01/2024 của Ban QLDA	86.625.000	0
13	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu tư vấn	14.621.000			
14	Giám sát thi công xây dựng	908.945.000	Quyết định số 455/QĐ-BQLDA ngày 18/12/2024 của Ban QLDA	1.055.096.000	146.151.000
15	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT thi công	35.686.000	Quyết định số 341/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2024 của Ban QLDA	76.738.000	41.052.000
16	Thẩm định HSMT, kết quả LCNT các gói thầu tư vấn	2.000.000	Quyết định số 341/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2024 của Ban QLDA	5.000.000	3.000.000
17	Khảo sát, lập phương án RPBM	6.400.000	Quyết định số 245/QĐ-QLDA ngày 22/7/2024 của Ban QLDA	1.482.000	-4.918.000
18	Giám sát công tác RPBM	5.125.000		1.582.000	-3.543.000
19	Đăng ký bảo vệ môi trường	70.000.000	Quyết định số 341/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2024 của Ban QLDA	70.000.000	0

TT	Hạng mục chi phí	Quyết định số 2711/QĐ-UBND ngày 31/7/2023 của UBND tỉnh	Tổng mức đầu tư điều chỉnh		Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Phương pháp xác định	Giá trị	
V	Chi phí khác	1.038.128.000	cộng 1 - 9	790.686.000	-247.442.314
1	Bảo hiểm công trình	103.003.000	Hợp đồng kinh tế số 45/2024/HĐ-XD ngày 05/12/2024 giữa Nhà thầu thi công và Ban QLDA	95.000.000	-8.003.000
2	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	63.332.000	Quyết định số 341/QĐ-BQLDA ngày 27/9/2024 của Ban QLDA	64.763.000	1.431.000
3	Kiểm toán công trình quyết toán	222.944.000		227.521.000	4.577.000
4	Thẩm định Báo cáo NCKT	7.138.000		7.138.000	0
5	Phí thẩm định thiết kế BVTC	8.788.000		4.590.000	-4.198.000
6	Phí thẩm định dự toán xây dựng	8.450.000		4.405.000	-4.045.000
7	Rà phá bom mìn (phạm vi thi công cầu)	160.000.000		55.655.000	-104.345.000
8	Đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công	64.473.000	Hợp đồng kinh tế số 45/2024/HĐ-XD ngày 05/12/2024 giữa Nhà thầu thi công và Ban QLDA	81.613.686	17.140.686
9	Chi phí khác				
	<i>Xây dựng trạm biến áp</i>	<i>250.000.000</i>	Hợp đồng kinh tế số 45/2024/HĐ-XD ngày 05/12/2024 giữa Nhà thầu thi công và Ban QLDA	<i>150.000.000</i>	<i>-100.000.000</i>
	<i>Xây dựng nền móng trạm trộn BTXM</i>	<i>150.000.000</i>		<i>100.000.000</i>	<i>-50.000.000</i>
VI	Chi phí dự phòng	5.716.096.000	cộng 1-2	3.899.471.000	-1.816.625.000
1	Dự phòng khối lượng phát sinh	4.106.390.000	5,19% x 42.880.529.000	2.227.130.369	
2	Dự phòng trượt giá	1.609.706.000	3,90% x 42.880.529.000	1.672.340.631	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	46.780.000.000	(I+II+III+IV+V+VI)	46.780.000.000	0